

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

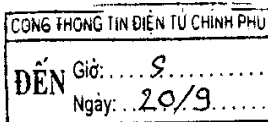
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1626/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng  
Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh  
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:**

**1. Phạm vi, ranh giới**

Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái gồm toàn bộ thành phố Móng Cái (bao gồm 17 đơn vị hành chính trực thuộc là các phường: Trà Cổ, Trần Phú, Ka Long, Ninh Dương, Hải Yên, Hải Hòa, Bình Ngọc, Hòa Lạc và các xã: Hải Tiến, Vạn Ninh, Hải Đông, Quảng Nghĩa, Vĩnh Thực, Vĩnh Trung, Hải Sơn, Hải Xuân, Bắc Sơn); Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà (bao gồm 3 đơn vị hành chính là các xã: Quảng Điền, Quảng Phong và Phú Hải); thị trấn Quảng Hà và các xã Quảng Thắng, Quảng Thành, Quảng Minh, Quảng Trung, Cái Chiên (huyện Hải Hà). Toàn bộ diện tích tự nhiên khu kinh tế khoảng 121.197 ha, trong đó diện tích đất liền là 66.197 ha và diện tích mặt biển là 55.000 ha. Ranh giới địa lý được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp thành phố Đông Hưng (Trung Quốc).

- Phía Tây: Giáp một số xã của huyện Đàm Hà và huyện Vân Đồn.

- Phía Đông và Nam: Giáp biển Đông (vịnh Bắc Bộ).

## 2. Tính chất

Là trung tâm phát triển kinh tế, thương mại, du lịch, dịch vụ và cảng biển của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, của vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ và đầu mối với hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc); có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng của vùng đồng bằng sông Hồng và quốc gia.

## 3. Mục tiêu phát triển

Phát triển khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái trở thành một cực tăng trưởng kinh tế năng động bền vững của tỉnh Quảng Ninh và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, là khu kinh tế có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại, có mạng lưới dịch vụ hoàn thiện; trung tâm du lịch quốc tế, một trọng điểm du lịch hàng đầu quốc gia; có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú; đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; quốc phòng - an ninh được đảm bảo, là phòng tuyến vững chắc bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

## 4. Dự báo phát triển

### a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn khu kinh tế (năm 2013) là 126.000 người.

- Dự kiến đến năm 2020 khoảng 177.000 người - 200.000 người; trong đó dân số đô thị khoảng 124.000 người, dân số nông thôn khoảng 53.000 người.

- Dự kiến đến năm 2030 khoảng 340.000 người - 350.000 người; trong đó dân số đô thị khoảng 293.000 người, dân số nông thôn khoảng 47.000 người.

### b) Quy mô đất đai:

- Dự kiến đến năm 2020: Đất xây dựng đô thị khoảng 3.900 ha, bình quân 316 m<sup>2</sup>/người. Trong đó: Đất dân dụng khoảng 1.500 ha, bình quân 123 m<sup>2</sup>/người; đất ngoài dân dụng khoảng 2.400 ha.

- Dự kiến đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị khoảng 10.400 ha, bình quân 354 m<sup>2</sup>/người. Trong đó: Đất dân dụng khoảng 2.500 ha, bình quân 85,3 m<sup>2</sup>/người; đất ngoài dân dụng khoảng 7.900 ha.

## 5. Định hướng phát triển không gian

### a) Mô hình và cấu trúc không gian khu kinh tế:

- Phát triển theo mô hình và cấu trúc không gian theo hướng 01 trục 02 vùng (phía Bắc và phía Nam) với 03 trung tâm (01 trung tâm hạt nhân là đô thị tích hợp mới (Khu trung tâm hành chính) và 02 trung tâm động lực là trung tâm Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà và thành phố cửa khẩu Móng Cái).

- Cấu trúc không gian thành 05 khu vực phát triển chính: (1) Khu A: Đô thị Móng Cái (trung tâm động lực); (2) Khu B: Khu vực Hải Hà (trung tâm động lực); (3) Khu C: Đô thị trung tâm hành chính, dịch vụ tổng hợp mới (trung tâm hạt nhân); (4) Khu D: Khu vực du lịch biển đảo phía Nam (vùng phía Nam); (5) Khu E: Dịch vụ thương mại vùng biên và phát triển nông thôn mới (vùng phía Bắc). Trong từng khu vực có các phân khu đảm bảo các chức năng bao gồm: Khu vực cửa khẩu quốc tế; khu công nghiệp; trung tâm tài chính; khu đô thị, khu dân cư và các khu chức năng xây dựng khác.

### b) Định hướng phát triển không gian khu kinh tế:

#### (1) Khu A - Đô thị Móng Cái (trung tâm động lực):

- Diện tích khoảng 32.410 ha, gồm các phân khu chức năng: Khu trung tâm đô thị hiện hữu (Khu A1); khu đô thị đường vành đai 2, 3 (Khu A2); khu công nghiệp Hải Yên (Khu A3); khu hợp tác kinh tế song phương (Khu A4); khu vực xã Hải Xuân và xã Vạn Ninh (Khu A5); khu du lịch Trà Cổ - Bình Ngọc (Khu A6).

- Định hướng phát triển không gian thành phố Móng Cái chủ yếu phát triển về phía Tây, Đông và Nam lấy sông Ka Long là trục cảnh quan chính của đô thị. Trong đó: Không gian chính thành phố Móng Cái tập trung tại khu trung tâm đô thị; khu vực phía Nam chủ yếu phát triển về du lịch tại Trà Cổ, Bình Ngọc và du lịch cao cấp tại đảo Vĩnh Trung, Vĩnh Thực; khu vực phía Tây tập trung phát triển đô thị trung tâm của Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái; khu vực phía Bắc phát triển khu du lịch sinh thái ven hồ nước và các khu biên giới phục vụ quốc phòng - an ninh.

- Khu trung tâm đô thị hiện hữu (Khu A1):

+ Tiếp tục phát triển thành khu trung tâm dịch vụ thương mại cửa khẩu gắn liền với cửa khẩu Bắc Luân I và cửa khẩu Bắc Luân II hình thành khu hợp tác thương mại;

+ Tập trung phát triển mật độ cao trong khu vực tiếp giáp với các cửa khẩu Bắc Luân I, Bắc Luân II và khu hợp tác kinh tế qua biên giới; phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ du lịch, hỗ trợ đời sống và dịch vụ cho các thương gia từ nước ngoài có thể ở ngắn hạn như khu vực 100 ha giữa 2 cửa khẩu Bắc Luân I và Bắc Luân II, Khu đô thị phía Nam, Khu hợp tác kinh tế Móng Cái;

+ Xây dựng hoàn thiện các dự án đã và đang triển khai;

+ Hình thành các tuyến phố dịch vụ thương mại, tài chính ngân hàng, nối kết 2 bờ sông Ka Long cùng với hệ thống công viên, cây xanh mặt nước. Các tuyến phố này cần bảo đảm tăng cường thiết kế đô thị, cải tạo chỉnh trang, gắn với bảo tồn hệ sinh thái cây xanh mặt nước tại Khu trung tâm.

- Khu Đô thị vành đai 2, 3 (Khu A2): Phát triển đô thị với các không gian công cộng, không gian xanh...; phát triển đô thị từ đường vành đai 1 (Đại lộ Hòa Bình) ra tới đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái; trên trục đường ra cầu Bắc Luân I, về phía khu Trà Cổ và Bình Ngọc, phát triển các khu đô thị nhỏ (quy mô khoảng 100 ha) hình thành các khu sinh thái, thân thiện với môi trường; dự trữ quỹ đất phát triển khu đô thị mới, quy mô nhỏ dọc tỉnh lộ 341.

- Khu công nghiệp Hải Yên và xã Hải Xuân (Khu vực A3): Xây dựng hoàn chỉnh Khu công nghiệp Hải Yên với xu hướng chuyển dần sang công nghiệp sạch. Nghiên cứu bố trí một số cụm công nghiệp quy mô nhỏ, trên cơ sở đánh giá điều kiện thực tế và nhu cầu đầu tư xây dựng bảo đảm yêu cầu về môi trường. Hình thành không gian cây xanh mật độ lớn tại khu vực xã Hải Xuân để tạo vành đai xanh bao quanh và giới hạn sự phát triển của khu vực đô thị trung tâm.

- Khu hợp tác kinh tế qua biên giới (Khu A4): Khu hợp tác kinh tế qua biên giới được bố trí xây dựng tại khu vực cầu Bắc Luân II, có diện tích khoảng 1.350 ha. Đây là khu vực giao thương giữa Việt Nam - Trung Quốc, ASEAN - Trung Quốc; phát triển thành đầu mối quan hệ kinh tế đối ngoại, hợp tác hữu nghị trực tiếp giữa tỉnh Quảng Ninh (Việt Nam) và tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) với các hoạt động thương mại, dịch vụ xuất nhập khẩu, du lịch, xúc tiến thương mại, đầu tư; sản xuất, gia công, chế biến nông, lâm sản, lắp ráp, sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng, phát triển du lịch... Bố trí các khu chức năng chính gồm:

+ Khu sản xuất, gia công xuất khẩu;

+ Khu mậu dịch qua biên giới;

- + Khu tài chính quốc tế;
- + Khu logistic hiện đại;
- + Khu du lịch qua biên giới;
- + Khu hội chợ triển lãm quốc tế;
- + Các khu chức năng khác;
- + Khu đô thị phụ trợ.

- Khu vực xã Hải Xuân và xã Vạn Ninh (Khu A5): Hình thành 02 trục không gian hướng tâm; gắn kết với các khu nuôi trồng thủy hải sản; nâng cấp và bổ sung các cảng, bến thủy nội địa...

- Khu du lịch Trà Cổ - Bình Ngọc (Khu A6):

+ Xây dựng Khu du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo và triển lãm phục vụ thương nhân công tác ngắn hạn tại khu vực ngã ba Trà Cổ, Bình Ngọc;

+ Quy hoạch xây dựng bãi biển Trà Cổ thành khu dịch vụ du lịch cao cấp phục vụ khách du lịch trong nước và quốc tế;

+ Quy hoạch xây dựng một số khu đô thị với quy mô nhỏ từ cầu Bắc Luân I ra khu vực Trà Cổ và Bình Ngọc, phát triển mô hình nhà ở sinh thái;

+ Hoàn chỉnh mạng lưới giao thông kết nối phía Đông - Tây của khu vực Trà Cổ - Bình Ngọc với đường bộ ra đảo Vĩnh Trung - Vĩnh Thực để đẩy mạnh phát triển kinh tế, du lịch, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

(2) Khu B - Khu vực Hải Hà (trung tâm động lực):

- Diện tích khoảng 18.630 ha, gồm các phân khu chức năng: Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà (Khu B1); Khu thị trấn Quảng Hà (Khu B2); Khu đô thị mới Quảng Minh (Khu B3); Khu trung tâm đô thị mới khu vực Quảng Minh - Quảng Thắng (Khu B4); khu dân cư cải tạo, chỉnh trang (Khu B5); các khu vực còn lại (Khu B6).

- Phát triển Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Thị trấn Quảng Hà: Cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu; hình thành các khu đô thị mới về phía Đông; tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao về phía Tây.

- Hình thành các khu đô thị mới dọc tuyến đường kết nối giữa Hải Hà và Móng Cái. Tổ chức khai thác du lịch sinh thái gắn với bảo tồn rừng ngập mặn; hình thành các khu dịch vụ và khu nhà ở xã hội tại phía Bắc Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà để giải quyết nhu cầu nhà ở cho Khu công nghiệp và Cảng biển Hải Hà.

(3) Khu C - Trung tâm đô thị tích hợp mới (trung tâm hạt nhân):

- Diện tích khoảng 11.200 ha, gồm các khu chức năng: Trung tâm đô thị tích hợp mới (Khu C1); khu công nghiệp công nghệ cao (Khu C2); khu vực đô thị mới (Khu C3); các khu vực còn lại (Khu C4).

- Quy hoạch xây dựng khu đô thị trung tâm hành chính, dịch vụ tổng hợp mới tại xã Hải Đông, đáp ứng được yêu cầu về quỹ đất, kết nối giao thông cho việc hình thành và phát triển khu kinh tế.

- Khu vực phía Nam, quy hoạch xây dựng khu dịch vụ du lịch và hình thành đô thị ven biển (quy mô 200 ha).

(4) Khu D - Khu vực du lịch biển đảo phía Nam (vùng phía Nam):

- Diện tích khoảng 35.650 ha, gồm các khu chức năng: Khu du lịch đảo Vĩnh Trung - Vĩnh Thục (Khu D1); khu du lịch đảo Cái Chiên (Khu D2).

- Hình thành hành lang du lịch biển đảo tầm cỡ khu vực và quốc tế trên cơ sở kết nối quần thể du lịch ven biển Quảng Ninh (từ đảo Hoàng Tân - Tuần Châu - Hạ Long - Bái Tử Long - Vân Đồn - Móng Cái - Trà Cỏ); xây dựng một số khách sạn, khu resort với quy mô thích hợp, có hình thức kiến trúc độc đáo, đạt tiêu chuẩn quốc tế để phục vụ nhu cầu tham quan đầu tư, du lịch và nghỉ dưỡng.

- Khu vực đảo Vĩnh Trung - Vĩnh Thục tiến hành xây dựng khu du lịch dịch vụ chất lượng cao; xây dựng tuyến cáp treo từ Trà Cỏ - Bình Ngọc ra đảo Vĩnh Trung - Vĩnh Thục phục vụ nhu cầu tham quan du lịch biển đảo; xây dựng cảng Vạn Gia là cảng hành khách quốc tế, tiếp nhận khách du lịch trong và ngoài nước.

- Khu vực đảo Cái Chiên tập trung phát triển các loại hình du lịch cao cấp, tại khu vực phía Đông kết hợp hoạt động du lịch gắn với việc xây dựng bến cảng nước sâu đa năng, phục vụ phát triển dịch vụ cảng biển.

(5) Khu E - Dịch vụ thương mại vùng biên và phát triển nông thôn mới (vùng phía Bắc): Quy mô diện tích khoảng 23.310 ha, gồm các khu chức năng:

- Khu vực phát triển kinh tế - xã hội vùng biên gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh (Khu E1) có quy mô diện tích khoảng 210 ha. Hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đồng thời tăng cường ổn định kinh tế cho khu vực vùng biên.

- Khu vực phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng 5 hồ (Khu E2) có quy mô diện tích khoảng 1.600 ha. Phát triển các khu du lịch sinh thái gắn với 5 hồ kết hợp với cảnh quan đồi núi, xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp thân thiện với cảnh quan thiên nhiên, gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Các khu vực còn lại (Khu E3) có quy mô diện tích khoảng 21.500 ha. Tập trung phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới gắn liền với bảo vệ quốc phòng - an ninh. Xây dựng và hoàn thiện mô hình nông thôn mới tại các xã trên địa bàn khu kinh tế.

c) Định hướng phát triển hệ thống các trung tâm chuyên ngành:

- Hệ thống các khu ở và nhà ở:

+ Các khu tái định cư cho xây dựng, giải phóng mặt bằng; các công trình tái định cư, nhà ở cho người lao động và các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng phục vụ Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái;

+ Khu đô thị tập trung với định hướng hoàn thiện, nâng cấp các khu đô thị hiện hữu, xây dựng mới tại thành phố Móng Cái và thị trấn Quảng Hà;

+ Khu dân cư hiện trạng, chỉnh trang cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân đô thị;

+ Khu vực dân cư dịch vụ và công trình phụ trợ: Gồm các khu, cụm dân cư, công trình nhà trẻ, trường học, nhà văn hóa...;

+ Khu dân cư biên giới dọc tuyến đường vành đai biên giới và các khu dân cư nông thôn.

- Hệ thống trung tâm hành chính: Xây dựng khu đô thị trung tâm hành chính, dịch vụ tổng hợp mới tại khu đô thị tích hợp.

- Hệ thống các trung tâm y tế - giáo dục:

+ Hình thành và xây dựng Bệnh viện quốc tế Móng Cái (200 giường);

+ Xây dựng Trường đại học quốc tế Móng Cái.

- Hệ thống các trung tâm du lịch:

Phát triển theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 bao gồm: Du lịch biển, nghỉ dưỡng, ẩm thực tại Trà Cổ, đảo Vĩnh Thực (thành phố Móng Cái), đảo Cái Chiên (huyện Hải Hà); du lịch biên giới - thương mại, mua sắm tại cửa khẩu Móng Cái (thành phố Móng Cái); du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo và triển lãm tại khu vực ngã ba Trà Cổ, Bình Ngọc; du lịch sinh thái tại hồ Tràng Vinh, hồ Quất Đông, hồ Phênh Hồ, hồ Mán Thí (thành phố Móng Cái), hồ Trúc Bài Sơn, đảo Cái Chiên (huyện Hải Hà); du lịch văn hóa - tâm linh tại Móng Cái, Trà Cổ (đền, chùa, nhà thờ) và các loại hình khác.

- Hệ thống các khu, cụm, cơ sở sản xuất công nghiệp: Các khu công nghiệp tập trung phát triển theo hướng tích hợp đa năng và phát triển bền vững, cụ thể:

+ Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà quy mô khoảng 5.000 ha bao gồm nhiều loại hình công nghiệp như: Dệt may, vận tải logistic, cảng nước sâu, dịch vụ cảng và phụ trợ...;

+ Khu công nghiệp Hải Yên phát triển mở rộng với quy mô 300 ha;

+ Hình thành một số cụm công nghiệp mới, quy mô nhỏ để phát triển ngành công nghiệp đóng gói, chế biến nông sản, thủy hải sản và kho vận phục vụ thương mại, xuất nhập khẩu vùng biên. Đối với các cụm công nghiệp vừa và nhỏ tập trung phát triển theo hướng hiện đại, đối với các làng nghề cần hoàn thiện và đảm bảo các giải pháp bảo vệ môi trường.

d) Định hướng kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

- Thiết kế đô thị tổng thể:

+ Đối với các khu đô thị cũ: Khu vực ưu tiên bảo tồn, cải tạo chỉnh trang đô thị gồm phường Trần Phú, Ka Long và Hòa Lạc của thành phố Móng Cái; khu phố cũ tại thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà. Ưu tiên phát triển công trình kiến trúc hiện đại tại các trục chính đô thị. Khuyến khích phát triển công trình kiến trúc cao tầng tại một số khu vực công cộng có không gian lớn như quảng trường, nút giao thông...;

+ Đối với các khu đô thị mới: Phát triển hình thức kiến trúc hiện đại, cao tầng, đồng bộ về hệ thống xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Các không gian, trục cảnh quan chính:

+ Cải tạo nâng cấp các quảng trường hiện có như trung tâm chợ Móng Cái, đại lộ Hòa Bình, cửa khẩu quốc tế Móng Cái, thị trấn Quảng Hà bằng các giải pháp chiếu sáng, cây xanh và mặt nước. Hoàn thiện hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn;



+ Thiết kế đô thị các tuyến phố chính theo các chủ đề như: Tuyến phố thương mại dịch vụ gồm các đường: Hùng Vương, Trần Phú, Thương Mại, Hòa Bình xây dựng tập trung các công trình thương mại lớn với kiến trúc hiện đại; tuyến phố đi bộ, lễ hội, ẩm thực để tăng thêm tính hấp dẫn cho đô thị gồm: Lò Bát, Đoàn Kết, Lê Hồng Phong, Ngô Gia Tự.

- Các công trình điểm nhấn:

Xây dựng công trình kiến trúc điểm nhấn tại từng khu chức năng như Đại học quốc tế Móng Cái, trung tâm triển lãm, hội chợ thương mại, Bệnh viện quốc tế Móng Cái, trung tâm hành chính của đô thị tích hợp và trung tâm thương mại du lịch Trà Cổ...

## 6. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường bộ: Xây dựng tuyến cao tốc Hạ Long - Khu kinh tế Vân Đồn - Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, quy mô 6 - 8 làn xe; xây dựng tuyến đường ven biển liên kết Khu kinh tế Vân Đồn với Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái quy mô 4 - 6 làn xe; nâng cấp đầu tư các tuyến quốc lộ: 18, 18B, 18C và 4B theo quy hoạch; cải tạo nâng cấp đường vành đai biên giới, kết nối các cửa khẩu Bắc Luân I, Bắc Luân II và Bắc Luân III với cửa khẩu Bắc Phong Sinh và cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn quy mô đạt cấp IV miền núi; xây dựng đường tuần tra biên giới nối từ khu vực Hải Hòa ra mũi Sa Vĩ;

+ Đường sắt: Nghiên cứu xây dựng mới tuyến đường sắt Hạ Long - Móng Cái, xây dựng tuyến nhánh kết nối đường sắt Hạ Long - Móng Cái với Cảng biển Hải Hà; xây dựng 03 ga chính trong phạm vi Khu kinh tế: Quảng Hà, Móng Cái và ga tiền cảng;

+ Đường thủy:

. Hàng hải: Phát triển vận tải và dịch vụ vận tải biển; phát triển hệ thống cảng biển phù hợp với quy hoạch nhóm cảng biển phía Bắc đã được phê duyệt; xây dựng cảng nước sâu đa năng tại Khu công nghiệp Hải Hà và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà; cải tạo nâng cấp cảng tổng hợp Vạn Gia.

. Đường thủy nội địa: Phát triển dịch vụ du lịch biển đảo và đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản; xây dựng cảng chuyên dụng và cơ sở đóng mới sửa chữa phương tiện đường thủy phục vụ phát triển tổ hợp công nghiệp và năng lượng; cải tạo nâng cấp hệ thống cảng bến thủy nội địa kết nối các khu chức năng, các khu vực biển đảo phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Đường không: Nâng cấp cải tạo sân bay Hồng Kỳ tại khu vực phường Ninh Dương, kết hợp khai thác dân dụng (sân bay taxi) và cứu nạn, quy mô sân bay cấp 2B. Dự trữ quỹ đất để xây dựng sân bay tại xã Vạn Ninh khi có nhu cầu phát triển.

- Giao thông nội thị:

+ Đường trục chính Khu kinh tế: Hình thành các trục dọc (quốc lộ 18, tuyến đường ven biển) và các trục ngang kết nối các khu vực chức năng của Khu kinh tế (cải tạo nâng cấp quốc lộ 18B, tỉnh lộ 341);

+ Đường trục chính khu vực đô thị: Xây dựng các tuyến đường vành đai 1, vành đai 2 và các trục hướng tâm kết nối hệ thống giao thông nội thị với giao thông đối ngoại;

+ Hệ thống bãi đỗ xe: Tận dụng tối đa không gian vườn hoa công viên, quảng trường giao thông để làm bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe nổi.

- Hệ thống các công trình đầu mối giao thông:

+ Xây dựng các nút giao khác mức giữa đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái với các tuyến: Đường trục chính Khu công nghiệp Hải Hà, quốc lộ 18 hiện có, trục chính vào đô thị tích hợp mới của Khu kinh tế, tỉnh lộ 335...;

+ Hệ thống bến xe: Xây dựng mới bến xe khách liên tỉnh kết hợp với ga đường sắt Móng Cái, bến xe khách Móng Cái 2, bến xe Hải Hà 2; cải tạo nâng cấp bến xe Móng Cái hiện tại, bến xe Hải Hà thành bến xe nội tỉnh và phục vụ giao thông công cộng.

b) San nền thoát nước mưa:

- Định hướng san nền:

+ Yêu cầu chung: Tận dụng tối đa địa hình và mặt phủ tự nhiên, gìn giữ hệ thống cây xanh hiện có, hạn chế khối lượng - chiều cao đất đắp đất và đảm bảo việc tổ chức hệ thống thoát nước mưa an toàn, phù hợp;

+ Cao độ san nền (H<sub>xd</sub>) được tính toán cho từng khu chức năng của Khu kinh tế, trong đó có tính đến ảnh hưởng của hiện tượng biến đổi khí hậu do nước biển dâng, cụ thể:

. Thành phố Móng Cái: Theo từng khu vực phát triển để xác định cao độ san nền theo tần suất (P%) phù hợp, đảm bảo tối thiểu H<sub>xd</sub> ≥ +7,0 m. Khu vực Trà Cổ đảm bảo tối thiểu H<sub>xd</sub> ≥ +4,5 m. Khu vực cây xanh H<sub>xd</sub> ≥ +3,0 m.

. Huyện Hải Hà: Theo từng khu vực phát triển để xác định cao độ san nền theo tần suất (P%) phù hợp, đảm bảo tối thiểu  $H_{xd} \geq +3,5$  m. Khu vực cây xanh  $H_{xd} \geq +3,0$  m.

. Khu đô thị tích hợp: Theo từng khu vực phát triển để xác định cao độ san nền theo tần suất (P%) phù hợp, đảm bảo tối thiểu  $H_{xd} \geq +3,5$  m. Khu vực cây xanh  $H_{xd} \geq +3,0$  m.

. Các khu vực xây dựng ven biển: Theo từng khu vực phát triển để xác định cao độ san nền theo tần suất (P%) phù hợp, đảm bảo tối thiểu  $H_{xd} \geq +3,5$  m. Khu vực cây xanh  $H_{xd} \geq +3,0$  m.

- Định hướng thoát nước mưa:

+ Đảm bảo thoát nước mưa khu vực xây dựng đô thị và khu công nghiệp toàn Khu kinh tế, tổ chức quy hoạch hệ thống thoát nước mưa phân 14 lưu vực chính tiêu thoát nước kết nối hệ thống tiêu thủy lợi và các trục sông suối, kênh mương của khu vực;

+ Khu vực đô thị đã có hệ thống thoát nước chung và khu dân cư nông thôn xây dựng hệ thống thoát nước chung, cải tạo từng phần thành hệ thống thoát nước riêng;

+ Khu vực xây dựng mới: Xây dựng hệ thống thoát riêng giữa nước mưa và nước thải.

- Công tác chuẩn bị kỹ thuật khác:

+ Bảo vệ, cải tạo thường xuyên các tuyến mương, cống thoát nước; nạo vét định kỳ và xây dựng kè bờ các đoạn ven biển sông, suối, hồ trong khu vực, xây tường chắn tại các khu vực có nguy cơ sạt lở;

+ Đối với khu vực dân cư ven các sông, suối, sườn dốc, ven chân đồi, núi... đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về phòng, chống lũ quét, sạt lở đất; tổ chức di dời dân ra khỏi vùng nguy hiểm; xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai cảnh báo sớm và nâng cao năng lực tổ chức ứng cứu, khắc phục thiên tai.

c) Định hướng cấp nước:

Quy hoạch cấp nước cho khu kinh tế thành 04 vùng chính như sau:

Vùng 1: Bao gồm Khu A, C, E.

- Nhu cầu: Đến năm 2020 là 75.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; đến năm 2030 là 110.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn nước:

+ Đối với Khu A - Đô thị Móng Cái và Khu C - Trung tâm đô thị tích hợp: Sử dụng nước từ các nhà máy nước Đoàn Tĩnh, Kim Tinh hiện có và nhà máy nước Quất Đông xây mới;

+ Nhà máy nước Đoàn Tĩnh lấy nước thô từ hồ Quất Đông, công suất đến năm 2020 và đến năm 2030 là 5.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nhà máy nước Kim Tinh lấy nước từ hồ Kim Tinh, nâng công suất đến năm 2020 là 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và đến năm 2030 là 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nhà máy nước Quất Đông xây mới tại xã Hải Đông, lấy nước thô từ hồ Quất Đông, công suất đến năm 2020 là 68.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; đến năm 2030 là 95.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Đối với Khu E - Dịch vụ thương mại vùng biên và khu vực nông thôn mới sử dụng nguồn nước giếng đào đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh.

- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng các tuyến ống cấp nước mới kết nối với các tuyến ống hiện có. Xây dựng mới các tuyến ống chuyển tải chính có đường kính  $\Phi 400 \div \Phi 900$  mm từ nhà máy nước Quất Đông chạy dọc quốc lộ 18 kết nối với đô thị.

Vùng 2: Xã đảo Vĩnh Trung, Vĩnh Thực thuộc khu D - Khu du lịch biển đảo phía Nam.

- Nhu cầu: Đến năm 2020 là 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2030 là 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn nước: Đối với khu vực dân cư tập trung sử dụng nước từ trạm cấp nước Vạn Gia hiện có, nước thô hồ Vạn Gia, nâng công suất trạm đến năm 2020 là 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2030 là 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng các tuyến ống cấp nước mới kết nối với các tuyến ống hiện có. Xây dựng mới tuyến ống chuyển tải chính đường kính  $\Phi 250$  mm.

Vùng 3: Khu B - Khu vực Hải Hà (bao gồm khu công nghiệp cảng biển Hải Hà, thị trấn Quảng Hà và các xã Quảng Thắng, Quảng Thành, Quảng Minh, Quảng Trung).

- Nhu cầu: Đến năm 2020 là 210.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; năm 2030 là 230.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó nhu cầu nước sinh hoạt đến năm 2020 là 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và đến năm 2030 là 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nhu cầu khu công nghiệp, Cảng biển Hải Hà đến năm 2030 là 200.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn nước:

+ Đối với cấp nước sinh hoạt: Sử dụng nước từ Nhà máy nước Hải Hà hiện có và nhà máy nước Quảng Minh xây mới. Nhà máy nước Hải Hà lấy nước thô sông Hà Cối, công suất đến năm 2020 là 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nâng công suất đến năm 2030 là 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nhà máy nước Quảng Minh lấy nước thô hồ Tràng Vinh, công suất đến năm 2020 là 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2030 là 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Đối với cấp nước công nghiệp: Sử dụng nước từ Nhà máy nước Hải Hà 1 và Nhà máy nước Hải Hà 2 được xây mới tại Khu công nghiệp Hải Hà. Nhà máy nước Hải Hà 1 lấy nước thô từ các hồ Tài Chi, Tràng Vinh, công suất đến năm 2020 và đến năm 2030 là 120.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nhà máy nước Hải Hà 2 lấy nước thô từ hồ Tràng Vinh, công suất đến năm 2020 và đến năm 2030 là 80.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Đối với khu vực nông thôn: Kết hợp nguồn cung cấp từ trạm cấp nước sạch và cấp nước hộ gia đình (giếng đào).

- Mạng lưới cấp nước:

+ Đối với cấp nước sinh hoạt: Xây dựng các tuyến ống cấp nước mới kết nối với các tuyến ống hiện có;

+ Đối với cấp nước công nghiệp: Xây dựng các tuyến ống cấp nước mới phục vụ khu công nghiệp.

Vùng 4: Khu D bao gồm xã đảo Cái Chiên và khu vực biển đảo phía Nam khu kinh tế.

- Nhu cầu: Đến năm 2020 là 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm và đến năm 2030 là 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn nước: Từ trạm cấp nước Cái Chiên xây mới, sử dụng nguồn nước ngầm tại chỗ, công suất trạm đến năm 2020 là 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2030 là 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng mới các tuyến ống đường kính Φ150 mm ÷ Φ100 mm.

d) Cấp điện:

- Nguồn điện:

+ Đến năm 2020: Xây dựng mới Nhà máy nhiệt điện Miền Bắc (1.000 MW); xây dựng mới trạm 220 KV Móng Cái (250+150) MVA, trạm 220 KV Hải Hà (2x250) MVA... và nâng công suất trạm 110 KV Hải Hà 1 (2x40) MVA;

+ Đến năm 2030: Nâng công suất Nhà máy nhiệt điện Miền Bắc (2.000 MW). Nâng công suất trạm 220 KV Hải Hà (3x250 MW) và Trạm 220 KV Móng Cái (2x250) MVA, cải tạo 12 trạm 110 KV phân phối đến các cụm phụ tải.

- Mạng cấp điện:

+ Lưới cao thế: Đến năm 2020 xây mới tuyến đường dây mạch kép liên kết các trạm 220 KV, trạm 110 KV khu vực Hải Hà và Móng Cái; đến năm 2030 hoàn thiện và nâng cấp tiết diện các tuyến đường dây 220 KV và 110 KV;

+ Lưới trung thế: Đến năm 2020 hình thành các mạch vòng, vận hành hồ đảm bảo cấp điện linh hoạt liên tục. Xây dựng tuyến cáp ngầm chuyên dụng 22 KV qua biển cấp điện cho khu du lịch đảo Cái Chiên; đến năm 2030 ngầm hóa toàn bộ khu vực nội thị và đô thị mới;

+ Lưới hạ áp và chiếu sáng: Thiết kế theo tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo cung cấp điện và chiếu sáng đường phố, quảng trường... đảm bảo an toàn, ổn định.

đ) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:

- Định hướng thoát nước thải:

+ Khu vực thành phố Móng Cái chia làm 5 lưu vực thoát nước thải. Nước thải được thu gom theo từng lưu vực dẫn về 06 trạm xử lý nước thải có tổng công suất 64.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải được xử lý theo Quy chuẩn hiện hành trước khi xả ra môi trường;

+ Khu vực huyện Hải Hà chia làm 3 lưu vực thoát nước thải. Nước thải được thu gom theo từng lưu vực dẫn về 03 trạm xử lý nước thải có tổng công suất 22.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải được xử lý theo Quy chuẩn hiện hành trước khi xả ra môi trường;

+ Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà: Hệ thống thoát nước thải được thu gom theo các cụm công nghiệp tập trung, dẫn về 06 trạm xử lý nước thải có tổng công suất là 90.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải được xử lý theo Quy chuẩn hiện hành trước khi xả ra môi trường;

+ Nước thải các bệnh viện phải được xử lý riêng theo quy chuẩn hiện hành trước khi xả ra môi trường.

- Định hướng quản lý chất thải rắn:

+ Tổng lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2030 khoảng 1.500 tấn/ngày;

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt của khu kinh tế;

+ Chất thải rắn công nghiệp nguy hại được thu gom và vận chuyển theo kênh riêng đến cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp của khu kinh tế, được bố trí khu vực xử lý riêng theo công nghệ đốt đảm bảo vệ sinh môi trường;

+ Chất thải rắn y tế được xử lý ngay tại cơ sở y tế.

- Định hướng nghĩa trang:

+ Nhu cầu đất nghĩa trang đến năm 2030 khoảng 21 ha;

+ Khu vực thành phố Móng Cái tiếp tục sử dụng nghĩa trang nhân dân Hải Yên, quy mô khoảng 12 ha; Quy hoạch mới nghĩa trang công viên thành phố Móng Cái tại xã Quảng Nghĩa, quy mô khoảng 25 ha;

+ Khu vực huyện Hải Hà quy hoạch mới nghĩa trang công viên Hải Hà, quy mô khoảng 20 ha;

+ Khuyến khích sử dụng công nghệ hỏa táng đạt tỷ lệ 30% đến năm 2020 và 40% đến năm 2030. Xác định lộ trình di dời đất nghĩa trang phân tán trong khu vực đô thị về các nghĩa trang tập trung theo quy hoạch;

+ Xây dựng mới 2 nhà tang lễ, quy mô mỗi nhà tang lễ rộng 01 ha phục vụ nhu cầu trên địa bàn.

e) Định hướng thông tin liên lạc:

- Nhu cầu thuê bao: Dự báo đến năm 2020 cần có hệ thống chuyển mạch với tổng dung lượng khoảng 95.000 thuê bao; đến năm 2030 cần có hệ thống chuyển mạch với tổng dung lượng khoảng 210.000 thuê bao.

- Phát triển kết cấu hạ tầng viễn thông khu kinh tế theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu truyền dẫn thông tin dữ liệu, hỗ trợ cải cách hành chính và xây dựng chính quyền điện tử.

g) Đánh giá tác động môi trường chiến lược:

Quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái gắn với định hướng phát triển đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng phát triển bền vững, đặc biệt là các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng đã được dự báo.

7. Chương trình chiến lược và dự án ưu tiên đầu tư

a) Chương trình chiến lược

- Chương trình xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái.

- Tái cấu trúc khu trung tâm Móng Cái và Hải Hà.

- Đầu tư và phát triển Khu hợp tác kinh tế qua biên giới, Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà.

- Xây dựng khu đô thị trung tâm hành chính, dịch vụ tổng hợp mới.

b) Dự án ưu tiên đến năm 2020:

Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật chính:

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Xây dựng hệ thống đường dẫn cầu Bắc Luân II; xây dựng đường bộ nối thị trấn Quảng Hà với Khu công nghiệp Cảng biển Hải Hà; xây dựng cảng Hải Hà (giai đoạn I), nâng cấp Cảng Vạn Gia đạt công suất 1.000.000 tấn/năm; cải tạo, nâng cấp tuyến đường vành đai biên giới; xây dựng cảng quốc phòng trên các đảo kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng - an ninh;

+ Xây dựng các công trình: Nhà máy nước Quát Đông 68.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; nhà máy nước Quảng Minh 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; trạm cấp nước Cái Chiên 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nâng công suất trạm cấp nước Vạn Gia lên 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nhà máy nước Hải Hà 1 và nhà máy nước Hải Hà 2 lên tổng công suất 120.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Xây dựng Nhà máy nhiệt điện tại Hải Hà công suất 900 MW (giai đoạn I); đường dây và trạm 220 KV tại Hải Hà (2x250) MW và Móng Cái (1x250) MW; xây mới trạm 110 KV Biên Mậu (2x63) MW, Hải Đông (2x40) MW. Xây dựng tuyến cáp ngầm 22 KV từ đảo Vĩnh Trung - Vĩnh Thực ra đảo Cái Chiên;



+ Xây dựng 5 trạm xử lý nước thải tại thành phố Móng Cái với tổng công suất 64.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; Khu Liên hiệp xử lý chất thải rắn Quảng Nghĩa quy mô 22 ha tại xã Quảng Nghĩa; công viên nghĩa trang Móng Cái diện tích 25 ha.

- Hạ tầng kinh tế:

+ Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng khung cho Khu du lịch Trà Cổ;

+ Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trung tâm thương mại tại Móng Cái;

+ Xây dựng hoàn thiện hệ thống lưu trú, bổ sung các khách sạn 3 và 4 sao tại các khu, điểm du lịch.

- Hạ tầng xã hội: Cải tạo và chỉnh trang cảnh quan hai bên sông Ka Long và Hà Cối.

- Phát triển đô thị và nông thôn:

+ Hoàn thiện các dự án hạ tầng, lấp đầy các khu đô thị, khu dân cư hiện có;

+ Xây dựng và hoàn thiện các xã theo mô hình nông thôn mới.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định; ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Lập chương trình phát triển đô thị, hồ sơ khu vực phát triển đô thị, lập các quy hoạch đô thị tiếp theo để cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

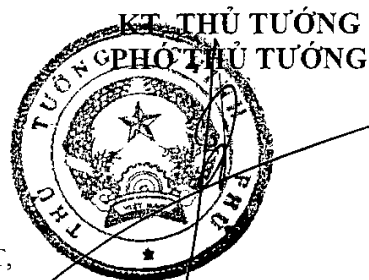
- Các Bộ, ngành Trung ương liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Ngoại giao, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTH, NC, V.III, KGVX;
- Lưu: VT, KTN (3b).q 41



**Hoàng Trung Hải**